

Số: 01/KH-BCĐ

Bắc Sơn, ngày 24 tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

Hành động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số phường Bắc Sơn năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 85/KH-BCĐ ngày 23/5/2023 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố Tam Điệp về Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố Tam Điệp năm 2023; Ban Chỉ đạo chuyển đổi số phường Bắc Sơn xây dựng Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số phường năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Tiếp tục nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo phường; cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố trong năm 2023, gắn trách nhiệm của từng thành viên Ban Chỉ đạo trong việc tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, lĩnh vực mình quản lý. Kịp thời đề ra các giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh, tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực để thúc đẩy hoàn thành các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ về phát triển chính quyền số chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng phường năm 2023.

II. MỤC TIÊU

Các thành viên Ban Chỉ đạo tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã được phân công phụ trách tại Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 06/03/2023 về Ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử trong hoạt động của phường Bắc Sơn năm 2023 và Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố; thực hiện mô hình “Chính quyền số cấp xã” (Phiên bản 1.0), đồng thời tập trung tổ chức thực hiện và hoàn thành một số chỉ tiêu trọng trong năm 2023, cụ thể như sau:

1. Đào tạo chuyển đổi nhận thức

- 100% cán bộ, công chức tại phường được bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng số cơ bản; được trang bị kiến thức, kỹ năng khai thác, sử dụng các ứng dụng phục vụ hoạt động chuyển đổi số tại cấp phường.

- 100% số người dân ở độ tuổi trưởng thành của các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức trên địa bàn xã được thông tin, tuyên truyền để nắm bắt và đồng thuận với các hoạt động chuyển đổi số của phường.

2. Hạ tầng số

- 100% cán bộ, công chức tại xã được trang bị máy vi tính; hàng năm tổ chức rà soát, nâng cấp, bổ sung thiết bị CNTT, máy tính đảm bảo tất cả cán bộ, công chức làm việc tại các vị trí chuyên môn cần thiết đã được bố trí các thiết bị phụ trợ, như: Máy in, máy Scan, bộ nhớ ngoài (USB)... đáp ứng được việc đảm bảo thực hiện, xử lý các công việc trên môi trường mạng.

- Mạng nội bộ (LAN) được thiết lập đảm bảo đáp ứng các yêu cầu hoạt động chuyển đổi số; có đường truyền Internet tốc độ cao của nhà cung cấp dịch vụ là VNPT Tam Điệp đảm bảo phục vụ cán bộ, công chức làm việc trên môi trường mạng và các hoạt động chuyển đổi số tại phường.

- 85% hộ gia đình trở lên trên địa bàn phường được cung cấp, kết nối sử dụng dịch vụ Internet cáp quang băng thông rộng để phục vụ các hoạt động trên môi trường mạng.

- 100% tổ dân phố trên địa bàn phường được phủ cập dịch vụ thông tin di động 4G/5G đảm bảo chất lượng.

- 100% cán bộ, công chức tại UBND phường và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội đều sử dụng điện thoại thông minh phục vụ triển khai các ứng dụng cho chuyển đổi số và công việc của địa phương.

3. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

- Mạng nội bộ (LAN) được đầu tư, nâng cấp trang bị, thiết bị đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng.

- 100% máy vi tính của cán bộ, công chức được trang bị, cài đặt phần mềm diệt vi rút có bản quyền.

- 100% hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh đang triển khai ứng dụng tại xã, phường được kết nối sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng cấp II.

- 100% hệ thống thông tin do phường làm chủ quản quản lý, vận hành được phê duyệt Hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

4. Chính quyền số

- 100% đơn vị, tổ chức trực thuộc; các cán bộ, công chức tại UBND phường đều được cấp, sử dụng chứng thư số để thực hiện ký số trong xử lý, giải quyết công việc trên môi trường mạng đảm bảo chính xác, kịp thời (*Trừ một số văn bản mật theo quy định của pháp luật*).

- 100% đơn vị, tổ chức trực thuộc; cán bộ, công chức tại phường được cấp Tài khoản hộp thư điện tử, mail công vụ và sử dụng đầy đủ, thường xuyên sử dụng để trao đổi thông tin, gửi, nhận hồ sơ, tài liệu trong các hoạt động công vụ.

- 90% hồ sơ, văn bản kết quả giải quyết TTHC được số hóa, cập nhật, lưu trữ đầy đủ thông tin trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tại phường

- 100 % hồ sơ TTHC được luân chuyển để xử lý, giải quyết theo đúng quy trình điện tử đã được cấu hình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tại phường.

- 90% hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, tổ chức nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại phường.

- 100% Văn bản đến, phát hành đi được ký số của các cá nhân, tổ chức liên quan và được luân chuyển xử lý, giải quyết theo quy trình trên phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành của tỉnh tại phường.

- 100% các báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Duy trì tối thiểu 03 kênh giao tiếp, kết nối, tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp thông qua các thiết bị công nghệ số và các nền tảng số như Zalo, Facebook.

- Triển khai Trung tâm điều hành (COC) phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND cấp phường.

5. Kinh tế số

- 100% các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc trưng; sản phẩm OCOP của địa phương được quảng bá trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, trang thông tin điện tử.

- 50% trở lên doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, hộ sản xuất nông nghiệp được đăng ký tài khoản trên sàn thương mại điện tử.

6. Xã hội số

- 100% các hộ gia đình, cơ quan, đơn vị, tổ chức, khu vui chơi, điểm sinh hoạt công cộng, điểm du lịch, bến tàu, bến xe ... được gắn địa chỉ số.

- 100% các trường từ cấp tiểu học trở lên triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, dạy và học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- 100% các trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế lắp đặt, ứng dụng triển khai các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- 40% trở lên người dân được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ về tư vấn, chăm sóc sức khoẻ từ xa qua các nền tảng số, mạng xã hội.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

(Có chi tiết phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch khác có liên quan; các nguồn kinh phí xã hội hóa, hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Văn phòng HĐND&UBND phường

- Chủ trì, phối hợp với công chức Văn hóa – Xã hội (Phụ trách Văn hóa thông tin phường) tham mưu xây dựng và thực hiện các Kế hoạch về chuyển đổi số một cách có hiệu quả.

- Thực hiện việc gửi, nhận và lưu trữ văn bản từ phường đến thành phố, thường xuyên tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện với UBND thành phố.

- Tập trung chỉ đạo, đôn đốc các thành viên Ban chỉ đạo triển khai thực hiện các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý; quá trình triển khai thực hiện chủ động đề xuất, báo cáo những khó khăn, vướng mắc với lãnh đạo Ban Chỉ đạo để được giải quyết kịp thời.

- Chủ trì, chủ động tham mưu, đề xuất lãnh đạo Ban Chỉ đạo tổ chức các phiên họp toàn thể, sơ kết, tổng kết và đột xuất để đánh giá kết quả hoạt động của Ban chỉ đạo. Định kỳ kiểm tra, đánh giá và tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện của các thành viên Ban Chỉ đạo; các cơ quan, đơn vị, kịp thời đề xuất với Lãnh đạo Ban Chỉ đạo những vấn đề phát sinh để xem xét, giải quyết.

- Định kỳ trước ngày 25 của tháng cuối hằng quý, năm (trước ngày 15/12) tham mưu báo cáo kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc về Ban Chỉ đạo chuyển đổi số thành phố.

2. Công chức Văn hóa – Xã hội (Phụ trách Văn hóa thông tin phường)

- Phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND phường tham mưu xây dựng và thực hiện các Kế hoạch về chuyển đổi số một cách có hiệu quả.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành, Đoàn thể, các cơ quan, đơn vị liên quan dưới sự điều phối của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số phường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này, đảm bảo theo đúng lộ trình và yêu cầu đề ra.

3. Công chức Tài chính - Kế toán phường

Tham mưu cho UBND phường bố trí nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch ứng chuyển đổi số của phường.

4. Các thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số phường

- Các thành viên Ban Chỉ đạo căn cứ các mục tiêu, yêu cầu tại Kế hoạch để cụ thể hóa thành các nhiệm vụ cụ thể nhằm triển khai thực hiện hiệu quả đối với các nhiệm vụ được phân công phụ trách. Trong quá trình chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ yêu cầu phải gắn kết, đồng bộ thực hiện cùng với các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ tại các Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch năm về chuyển đổi số của phường.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm được giao theo Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo.

Trên đây là Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số phường năm 2023, yêu cầu các công chức, các bộ phận có liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo CDS thành phố
- TT. Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Cán bộ, công chức, các bộ phận có liên quan;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN



CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG
Mai Thị Minh Thư

PHỤ LỤC 1:

Mục tiêu Triển khai thực hiện mô hình Chuyển đổi số cấp xã

(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-BCD ngày 24/5/2023 của BCD chuyển đổi số phường Bắc Sơn)

Stt	Tên chỉ tiêu	Giải thích chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	
				Xã	Phường, thị trấn
I.	Đào tạo, chuyển đổi nhận thức (02 chỉ tiêu)				
1.	Tỷ lệ cán bộ, công chức được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng số đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, triển khai chuyển đổi số tại cấp xã	Số cán bộ, công chức tại xã/phường/thị trấn được bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng số cơ bản; được trang bị kiến thức, kỹ năng khai thác, sử dụng các ứng dụng phục vụ hoạt động chuyển đổi số tại cấp xã/ (trên) tổng số cán bộ, công chức hiện có của xã/phường/thị trấn	%	100	100
2.	Tỷ lệ người dân trưởng thành, các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức được thông tin, tuyên truyền, phổ biến, tiếp cận các dịch vụ, công nghệ số và nắm bắt các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn	Số người dân ở độ tuổi trưởng thành, các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức trên địa bàn xã/phường/thị trấn được thông tin, tuyên truyền dưới mọi hình thức để nắm bắt, đồng thuận với các hoạt động chuyển đổi số của đơn vị/ (trên) tổng số người dân, doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức trên địa bàn xã/phường/thị trấn	%	100	100
II.	Hạ tầng số (05 chỉ tiêu)				
1.	Tỷ lệ cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính, các thiết bị phụ trợ cần thiết	Số cán bộ, công chức tại xã/phường/ thị trấn được trang bị máy vi tính; cân bộ, công chức làm	%	100	100

Stt	Tên chỉ tiêu	Giải thích chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	
				Xã	Phường, thị trấn
	để đảm bảo để xử lý các công việc trên môi trường mạng	việc tại các vị trí chuyên môn cần thiết phải bố trí các thiết bị phụ trợ, như: Máy in, máy Scan, bộ nhớ ngoài (USB)... được đáp ứng để đảm bảo thực hiện, xử lý các công việc trên môi trường mạng/ (trên) tổng số cán bộ, công chức hiện có của xã/phường/thị trấn			
2.	Mạng nội bộ (LAN) được thiết lập đảm bảo đáp ứng các yêu cầu hoạt động chuyển đổi số	Mạng nội bộ (LAN) của xã/phường/thị trấn được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa hoặc tái cấu trúc, cấu hình đáp ứng tốc độ, đảm bảo băng thông, đảm bảo tương thích dải địa chỉ thế hệ mới IPv6 phục vụ cán bộ, công chức làm việc trên môi trường mạng và các hoạt động chuyển đổi số tại cấp xã	Hệ thống	Đảm bảo	Đảm bảo
3.	Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận, sử dụng dịch vụ Internet cáp quang băng thông rộng	Số hộ gia đình trên địa bàn xã/phường/thị trấn được cung cấp, kết nối sử dụng dịch vụ Internet cáp quang băng thông rộng để phục vụ các hoạt động trên môi trường mạng/ (trên) tổng số hộ gia đình hiện có trên địa bàn của phường/thị trấn	%	80	85
4.	Tỷ lệ các thôn, bản, khu phố trên địa bàn được phủ cập dịch vụ thông tin di động 4G/5G đảm bảo chất lượng	Số các thôn/bản/khu phố trên địa bàn xã/phường/thị trấn được phủ sóng và cung cấp dịch vụ thông tin di động 4G/5G tại các khu vực trung tâm, đảm bảo chất lượng (tốc độ tối thiểu download khoảng 30Mbps, upload khoảng 9Mbps)/ (trên) tổng số thôn/bản/khu phố trên địa bàn	%	100	100

Stt	Tên chỉ tiêu	Giải thích chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	
				Xã	Phường, thị trấn
5.	Tỷ lệ cán bộ, công chức có thiết bị di động thông minh	Số cán bộ, công chức tại UBND xã/phường/thị trấn và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội có sử dụng điện thoại/thiết bị di động thông minh phục vụ triển khai các ứng dụng cho chuyên đổi số/ (trên) tổng số cán bộ, công chức, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội	%	100	100
III. Đảm bảo an toàn thông tin mạng (04 chỉ tiêu)					
1.	Mạng nội bộ (LAN) được đầu tư, nâng cấp trang bị, thiết bị đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng	Mạng nội bộ (LAN) của xã/phường/thị trấn được đầu tư, trang bị thiết bị an toàn thông tin (nếu chưa có thiết bị ATTT); được tái cấu trúc, cấu hình, chuẩn hóa (nếu đã có thiết bị ATTT) để đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng	Hệ thống	Đảm bảo	Đảm bảo
2.	Tỷ lệ máy vi tính của cán bộ, công chức được trang bị, cài đặt phần mềm diệt vi rút có bản quyền	Số máy vi tính của cán bộ, công chức tại UBND xã/phường/thị trấn được trang bị, cài đặt phần mềm diệt vi rút có bản quyền để bảo vệ, phòng, chống mã độc đảm bảo an toàn thông tin, toàn vẹn dữ liệu/ (trên) tổng số máy vi tính hiện có tại xã/phường/thị trấn	%	100	100

Stt	Tên chỉ tiêu	Giải thích chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	
				Xã	Phường, thị trấn
3.	Tỷ lệ các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh đang triển khai ứng dụng tại xã/phường/thị trấn được kết nối sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng cấp II	Các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh đang triển khai ứng dụng tại xã/phường/thị trấn được định tuyến sử dụng qua đường truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh	%	100	100
4.	Tỷ lệ các hệ thống thông tin do xã/phường/thị trấn làm chủ quản quản lý, vận hành được phê duyệt Hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin	Các hệ thống thông tin, phần mềm do xã/phường/thị trấn làm chủ quản lý, vận hành, khai thác được xây dựng, phê duyệt Hồ sơ cấp độ an toàn thông tin và triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin sau khi phê duyệt	%	100	100
IV.	Chính quyền số (09 chỉ tiêu)				
1.	Tỷ lệ đơn vị, tổ chức, cá nhân (cán bộ, công chức) được cấp, sử dụng chứng thư số chuyên dùng của Ban cơ yếu Chính phủ	Số đơn vị, tổ chức trực thuộc; các cán bộ, công chức tại UBND xã/phường/thị trấn (thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 23/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ) được cấp, sử dụng chứng thư số của Ban cơ yếu Chính phủ để thực hiện ký số trong xử lý, giải quyết công việc trên môi trường mạng/ (trên) tổng số đơn vị, tổ chức trực thuộc; các cán bộ, công chức tại UBND xã/phường/thị trấn hiện có trên địa bàn	%	100	100

Stt	Tên chỉ tiêu	Giải thích chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	
				Xã	Phường, thị trấn
2.	Tỷ lệ đơn vị, tổ chức, cá nhân (<i>cán bộ, công chức</i>) được cấp và sử dụng thường xuyên Tài khoản hợp thư điện tử công vụ của tỉnh	Số đơn vị, tổ chức trực thuộc; cán bộ, công chức tại xã/phường/thị trấn được cấp Tài khoản hợp thư điện tử công vụ và sử dụng đầy đủ, thường xuyên sử dụng để trao đổi thông tin, gửi, nhận hồ sơ, tài liệu trong các hoạt động công vụ/ (trên) tổng số đơn vị, tổ chức trực thuộc; cán bộ, công chức tại xã/phường/thị trấn hiện có trên địa bàn	%	100	100
3.	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý	Hồ sơ, bản kết quả giải quyết TTHC được số hóa, cập nhật, lưu trữ đầy đủ thông tin trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tại xã/phường/thị trấn	%	100	100
4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được luân chuyển, xử lý, giải quyết đúng quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Hồ sơ TTHC được luân chuyển để xử lý, giải quyết theo đúng quy trình điện tử đã được cấu hình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tại xã/phường/thị trấn	%	100	100
5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trực tuyến	Số hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, tổ chức nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và trên Cổng dịch vụ công quốc gia/ (trên) tổng số hồ sơ TTHC phát sinh tại xã/phường/thị trấn	%	50	55
6.	Tỷ lệ văn bản trao đổi được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số trên Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành của	Văn bản đến, phát hành đi được ký số của các cá nhân, tổ chức liên quan và được luân chuyển xử lý, giải quyết theo quy trình trên phần mềm Quản	%	100	100

Stt	Tên chỉ tiêu	Giải thích chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	
				Xã	Phường, thị trấn
	tỉnh (<i>trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật</i>)	lý văn bản và Điều hành của tỉnh tại xã/phường/thị trấn			
7.	Tỷ lệ các báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Các báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê của xã/phường/thị trấn được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	%	100	100
8.	Triển khai kênh giao tiếp, tương tác giữa Chính quyền cấp xã với người dân, doanh nghiệp	Mỗi xã/phường/thị trấn triển khai ít nhất từ 02 kênh giao tiếp, kết nối, tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp thông qua các thiết bị công nghệ số và các nền tảng số	Kênh giao tiếp	02	02
9.	Triển khai Trung tâm điều hành (COC) phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND cấp xã	Mỗi xã/phường/thị trấn có triển khai phân hệ Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh để hình thành Trung tâm điều hành thông minh (COC). Trung tâm hoạt động dựa trên dữ liệu sẵn có từ các hệ thống thông tin, phần mềm đang ứng dụng và được số hóa, tạo lập hoặc cập nhật mới phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành các hoạt động của UBND xã/phường/thị trấn	Trung tâm	Có	Có
V.	Kinh tế số (02 chỉ tiêu)				
1.	Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc trưng; sản phẩm OCOP của địa phương	Số sản phẩm, dịch vụ mang tính chủ lực, đặc trưng nổi bật; các sản phẩm theo chương trình OCOP của	%	100	100

Stt	Tên chỉ tiêu	Giải thích chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	
				Xã	Phường, thị trấn
	được quảng bá trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, trang thông tin điện tử	xã/phường/thị trấn được đưa lên môi trường mạng thông qua các nền tảng số, như: Mạng xã hội, sàn thương mại điện tử, trang thông tin điện tử.. để quảng bá, giới thiệu và bán hàng trực tuyến/ (trên) tổng số sản phẩm, dịch vụ mang tính chủ lực, đặc trưng nổi bật; các sản phẩm theo chương trình OCOP hiện có trên địa bàn xã phường/thị trấn			
2.	Tỷ lệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã/phường/thị trấn được hỗ trợ mở tài khoản trên sàn thương mại điện tử postmart.vn và voso.vn để giao dịch, quảng bá, mua, bán sản phẩm, hàng hóa/ (trên) tổng số các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất nông nghiệp hiện có trên địa bàn xã/phường/thị trấn	Tổng số các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã/phường/thị trấn được hỗ trợ mở tài khoản trên sàn thương mại điện tử postmart.vn và voso.vn để giao dịch, quảng bá, mua, bán sản phẩm, hàng hóa/ (trên) tổng số các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất nông nghiệp hiện có trên địa bàn xã/phường/thị trấn	%	50	50
VI.	Xã hội số (04 chỉ tiêu)				
1.	Tỷ lệ các hộ gia đình, cơ quan, đơn vị, tổ chức, khu vui chơi, điểm sinh hoạt công cộng, điểm du lịch, bến tàu, bến xe ... được gắn địa chỉ số	Các hộ gia đình, cơ quan, đơn vị, tổ chức; các khu vui chơi, điểm du lịch, bến tàu, bến xe; các điểm công cộng ... được đánh mã địa chỉ trên Nền tảng địa chỉ số quốc gia	%	100	100

Stt	Tên chỉ tiêu	Giải thích chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể	
				Xã	Phường, thị trấn
2.	Tỷ lệ các trường từ cấp tiểu học trở lên triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, dạy và học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương	Các trường học từ cấp tiểu học trở lên trên địa bàn xã/phường/thị trấn triển khai ứng dụng các công cụ, nền tảng số để phục vụ công tác quản lý, dạy và học	%	100	100
3.	Tỷ lệ các trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế lắp đặt, ứng dụng triển khai các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt	Tổng số trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn xã/phường/thị trấn triển khai các công cụ, phương tiện chấp nhận phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản học phí, viện phí và các khoản thanh toán khác/ (trên) tổng số trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế hiện có tại xã/phường/thị trấn	%	100	100
4.	Tỷ lệ người dân được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ về tư vấn, chăm sóc sức khỏe từ xa qua các nền tảng số, mạng xã hội	Tổng số người dân trên địa bàn được truyền thông, hướng dẫn, tiếp cận và sử dụng các dịch vụ về tư vấn, chăm sóc sức khỏe từ xa thông qua các nền tảng số, mạng xã hội/ (trên) tổng số người dân trên địa bàn xã/phường/thị trấn	%	30	40

Ghi chú:

- Nhóm “Đào tạo, chuyển đổi nhận thức”: 02 chỉ tiêu;
- Nhóm “Hạ tầng số”: 05 chỉ tiêu;
- Nhóm “Đảm bảo an toàn thông tin mạng”: 04 chỉ tiêu;
- Nhóm “Chính quyền số”: 09 chỉ tiêu;
- Nhóm “Kinh tế số”: 02 chỉ tiêu;
- Nhóm “Xã hội số”: 04 chỉ tiêu.